

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯƠNG THIÊN NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯƠNG THIÊN NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUONG THIEN NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH DƯƠNG THIÊN NAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502396424

**3. Ngày thành lập:** 23/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1700 đường 30/4, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0987.851188

Fax:

Email: duongthiennam19@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(Doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                           | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(Doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                        | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(Doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                                  | 1622     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>(Doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) | 1629     |
| 5.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                             | 2592     |
| 6.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                            | 3315     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                              | 3320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 8.  | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan)                                                                                          | 3811                                                         |
| 9.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Địa điểm xử lý và tiêu huỷ phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                    | 3821                                                         |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                | 4101                                                         |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                            | 4322                                                         |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                   | 4330                                                         |
| 15. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                              | 4511                                                         |
| 16. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                      | 4512                                                         |
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                   | 4520                                                         |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                               | 4530                                                         |
| 19. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                | 4541                                                         |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới hàng hóa                                                                                                                               | 4610                                                         |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                              | 4651                                                         |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                  | 4659                                                         |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                              | 4662(Chính)                                                  |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                          | 4663                                                         |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                      | 5210                                                         |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                          | 5224                                                         |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                          | 5225                                                         |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                           | 7710                                                         |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                   | 7730                                                         |
| 31. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: DUỖNG THỊ MAI XUÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/05/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 084188000266

Ngày cấp: 02/05/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 209 Lô A, 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 209 Lô A, 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DUỖNG THỊ MAI XUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 084188000266

Ngày cấp: 02/05/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 209 Lô A, 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 209 Lô A, 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu